TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 479/2017/QĐST-HNGĐ	*Nhà Bè, ngày 29 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 294/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 về việc: "Ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Ông Trần Đình T1 – Sinh năm: 1970

Địa chỉ: Số 1/2 đường P Tổ 8, Khu phố A, thị trấn B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 148 đường M, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T2 – Sinh năm: 1970

Địa chỉ: Số 1/2 đường P, Tổ 8, Khu phố A, thị trấn B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Đình T1 và bà Nguyễn Thị T2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Trần Đình T1 và bà Nguyễn Thị T2 cùng thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 098, quyển số 01/96 do Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/10/1996 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung và việc cấp dưỡng: Giao 01 con chung là Trần Đình Thủy V – Sinh ngày: 13/01/2003 cho bà Nguyễn Thị T2 trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trần Đình T1 và bà Nguyễn Thị T2 tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Đình T1 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Đình T1 và bà Nguyễn Thị T2 cùng xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập được tài sản chung và không có các khoản vay nợ chung.

- Về án phí: Ông Trần Đình T1 tự nguyện chịu án phí DSST là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008017 ngày 21/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Hoàn trả cho ông Trần Đình T1 số tiền là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Ngọc Diệp